

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

2, Khu vực Phú Thắng, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên	
Ông Trần Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Phan Nhân Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Nguyễn Hoài An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Hoàng Việt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/03/2025
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/03/2025
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Cảnh Hiệp	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Bà Nguyễn Thị Dung	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Bà Phí Huyền Ngân	Thành viên	
Bà Nguyễn Trần Phương Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/04/2025

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và cho đến ngày lập Báo cáo này là Ông Lâm Trúc Sơn.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 14 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 14 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 37 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty đang theo dõi giá trị Công trình Cảng Cái Cui, giai đoạn I tại chi tiêu “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” trên Bảng cân đối kế toán (Thuyết minh số 12) với số tiền 42,4 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2025 là 42,4 tỷ đồng). Trong đó, hạng mục “San lấp mặt bằng, kè bảo vệ bờ dọc sông Hậu và kè bảo vệ bờ dọc Cái Cui” thuộc dự án Cảng Cái Cui giai đoạn I có một phần giá trị 5,7 tỷ đồng được thực hiện trên diện tích hiện giờ thuộc quỹ đất dự phòng của UBND Thành phố Cần Thơ quản lý. Tới thời điểm soát xét, Công ty đang trong quá trình làm việc để quyết toán lại phần chi phí đã thực hiện trên với UBND Thành phố Cần Thơ, do đó, chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết đối với khoản mục nêu trên và các khoản mục có liên quan (nếu có) trên Báo cáo tài chính giữa niên độ giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty.

Tại ngày 30/06/2025, Công ty đang theo dõi công nợ phải thu khác liên quan đến một số tài sản thiếu đang chờ xử lý với số tiền là 2.386.670.000 đồng. Theo giải trình, Ban Tổng Giám đốc đã có kế hoạch thu hồi và xử lý các khoản công nợ này. Tuy nhiên, tại thời điểm soát xét, Công ty chưa cung cấp được đầy đủ hồ sơ, tài liệu làm cơ sở xác định cụ thể về khả năng thu hồi cũng như thời gian thực hiện. Các thủ tục thay thế đã được thực hiện, tuy nhiên chưa mang lại đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định tính hiện hữu và đánh giá trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có).

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của kết luận kiểm toán ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 12 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, “Dự án Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I” được triển khai từ năm 2002 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 230,3 tỷ đồng, diện tích thực hiện 23,4 ha; “Dự án Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II” được triển khai từ năm 2009 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 829,8 tỷ đồng. Trong đó, Dự án Cảng Cái Cui giai đoạn I đã hoàn thành và đưa vào khai thác đối với phần diện tích 9,5 ha, đối với phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của Cảng. Việc đầu tư 02 dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Công ty đang tiếp tục triển khai đầu tư để hoàn thành đưa các hạng mục dự án để sử dụng cho hoạt động kinh doanh.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi kết luận kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Nguyễn Thị Thùy Trang

Giám đốc kiểm toán

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4710-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		106.454.291.200	100.129.501.249
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	30.058.135.587	36.371.971.943
Tiền	111		12.236.078.944	15.642.645.058
Các khoản tương đương tiền	112		17.822.056.643	20.729.326.885
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.191.710.343	24.891.034.137
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.1	23.191.710.343	24.891.034.137
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.176.371.266	37.978.367.956
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	43.371.292.741	41.791.138.725
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	11.364.313.729	2.941.699.320
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	9.415.797.507	6.705.565.028
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(13.975.032.711)	(13.460.035.117)
Hàng tồn kho	140	11	624.410.989	561.760.776
Hàng tồn kho	141		624.410.989	561.760.776
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.403.663.015	326.366.437
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	2.403.663.015	326.366.437
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		258.794.188.982	260.946.426.647
Các khoản phải thu dài hạn	210		72.000.000	72.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	72.000.000	72.000.000
Tài sản cố định	220		190.433.362.042	194.970.029.387
Tài sản cố định hữu hình	221	13	186.283.715.049	190.744.938.490
- Nguyên giá	222		475.165.974.555	478.400.969.517
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(288.882.259.506)	(287.656.031.027)
Tài sản cố định vô hình	227	14	4.149.646.993	4.225.090.897
- Nguyên giá	228		8.055.335.602	8.055.335.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.905.688.609)	(3.830.244.705)
Tài sản dở dang dài hạn	240		62.001.637.585	60.567.592.771
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	62.001.637.585	60.567.592.771
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.2	4.274.373.443	4.274.373.443
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.2	4.497.251.573	4.497.251.573
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(222.878.130)	(222.878.130)
Tài sản dài hạn khác	260		2.012.815.912	1.062.431.046
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	2.012.815.912	1.062.431.046
TỔNG TÀI SẢN	270		365.248.480.182	361.075.927.896

Mẫu số B 01a - DN

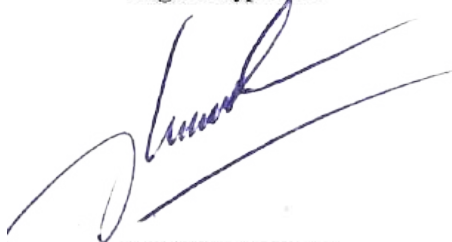
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		94.470.846.682	93.460.658.344
Nợ ngắn hạn	310		40.103.771.272	34.258.275.660
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	17.440.855.653	17.043.681.678
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		158.273.424	324.494.719
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	5.152.758.170	1.555.541.797
Phải trả người lao động	314		2.984.747.369	2.457.738.681
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.059.516.999	267.374.534
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		60.000.000	61.975.338
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	3.239.135.234	5.816.372.010
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	10.000.000.000	6.722.612.480
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.484.423	8.484.423
Nợ dài hạn	330		54.367.075.410	59.202.382.684
Phải trả dài hạn khác	337	19	35.781.753.882	32.333.061.156
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	18.585.321.528	26.869.321.528
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		270.777.633.500	267.615.269.552
Vốn chủ sở hữu	410	20	270.777.633.500	267.615.269.552
Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.281.179.597	275.281.179.597
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.281.179.597	275.281.179.597
Quỹ đầu tư phát triển	418		646.231.180	646.231.180
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.149.777.277)	(8.312.141.225)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(8.312.141.225)	(11.960.927.893)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.162.363.948	3.648.786.668
TỔNG NGUỒN VỐN	440		365.248.480.182	361.075.927.896

Cần Thơ, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu



Thái Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng



Lâm Trúc Sơn



Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	85.588.866.053	75.197.869.592
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		85.588.866.053	75.197.869.592
Giá vốn hàng bán	11	23	73.334.317.908	61.509.777.109
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.254.548.145	13.688.092.483
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	840.309.537	506.635.099
Chi phí tài chính	22	25	490.706.773	666.667.018
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		490.706.773	666.667.018
Chi phí bán hàng	25	26	124.329.229	241.293.949
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	9.671.596.693	10.711.739.339
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.808.224.987	2.575.027.276
Thu nhập khác	31	27	1.599.367.439	53.552.880
Chi phí khác	32	28	325.610.592	350.304.150
Lợi nhuận khác	40		1.273.756.847	(296.751.270)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.081.981.834	2.278.276.006
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	919.617.886	514.213.979
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.162.363.948	1.764.062.027
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	115	64
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	115	42

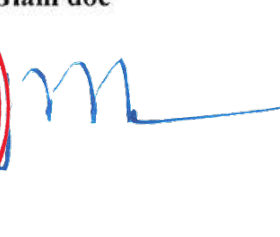
Cần Thơ, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



Thái Thị Mỹ Linh

Lâm Trúc Sơn

Nguyễn Mạnh Hà

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		4.081.981.834	2.278.276.006
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		7.167.306.064	7.052.637.445
Các khoản dự phòng	03		514.997.594	680.242.012
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(2.119.686.261)	(506.635.099)
Chi phí lãi vay	06		490.706.773	666.667.018
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.135.306.004	10.171.187.382
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(12.475.847.717)	3.294.685.473
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(62.650.213)	26.360.314
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		5.579.644.587	8.142.045.286
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(3.027.681.444)	972.963.611
Tiền lãi vay đã trả	14		(490.706.773)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(538.398.391)	(818.305.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(880.333.947)	21.788.937.054
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.342.933.703)	(5.927.731.200)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.557.626.894	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.608.026.206)	(1.446.551.671)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.307.350.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		659.093.086	506.635.099
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(426.889.929)	(6.867.647.772)

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.006.612.480)	(3.358.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.006.612.480)	(3.358.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.313.836.356)	11.563.289.282
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	36.371.971.943	22.769.228.997
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	30.058.135.587	34.332.518.279

Cần Thơ, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Thái Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng

Lâm Trúc Sơn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***Mẫu số B 09a - DN****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 19 tháng 03 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: 2, Khu vực Phú Thắng, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 30/06/2025 là 275.281.179.597 đồng, chia thành 27.528.118 cổ phần, với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 121 người (tại ngày 01/01/2025 là 123 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp hàng hoá đường bộ, bốc xếp hàng hoá cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan, kho đông lạnh (kho ngoại quan) và kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển, viễn dương và vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, khai thuế hải quan; và
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Cần Thơ. Địa chỉ tại số 27 Lê Hồng Phong, Phường Thới An Đông, Thành phố Cần Thơ; hoạt động kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi.

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024 đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 CÁC LOẠI TỶ GIÁ ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của Bảng Cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- Tài sản cố định khác	03 - 05
- Quyền sử dụng đất	20 - 50
- Phần mềm quản lý	03 - 05

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.9 THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

3.11 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 NỢ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

3.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 8%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với các hoạt động cung cấp hàng hóa và dịch vụ khác, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.19 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.20 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	2.011.647.947	3.419.797.588
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.224.430.997	12.222.847.470
- Các khoản tương đương tiền (*)	17.822.056.643	20.729.326.885
Cộng	30.058.135.587	36.371.971.943

(*) Các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng của Công ty, lãi suất từ 3,7% đến 3,8%/năm.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.403.663.015	326.366.437
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	28.219.400	194.725.032
- Chi phí thuê đất	1.665.574.114	-
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản	195.527.138	15.100.308
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	514.342.363	116.541.097
b) Dài hạn	2.012.815.912	1.062.431.046
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	72.806.781	101.223.037
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản	1.511.885.375	521.113.868
- Chi phí bảo hiểm	347.208.122	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	80.915.634	440.094.141
Cộng	4.416.478.927	1.388.797.483

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

2, Khu vực Phú Thứ, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	23.191.710.343	23.191.710.343	24.891.034.137	24.891.034.137
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	23.191.710.343	23.191.710.343	24.891.034.137	24.891.034.137
Cộng	23.191.710.343	23.191.710.343	24.891.034.137	24.891.034.137

(*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam với lãi suất từ 4,1%/năm đến 5%/năm.

6.2 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

	Tại 30/06/2025				Tại 01/01/2025			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
- Công ty TNHH Cảng Cần Thơ	4.497.251.573	(222.878.130)	(*)		4.497.251.573	(222.878.130)	(*)	
- Thanh Toán								
Cộng	4.497.251.573	(222.878.130)	(*)		4.497.251.573	(222.878.130)	(*)	

Tại ngày 30/06/2025, số vốn công ty đang sử dụng để đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Toán là 4.497.251.573 đồng với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 50%. Công ty liên doanh được thành lập và hoạt động tại tỉnh Trà Vinh; hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi.

(*) Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

2, Khu vực Phú Thứ, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Duyên Hải Star	3.674.821.222	-	8.872.906.648	-
- Công ty Nhiệt điện duyên hải - Chi nhánh Tổng Công ty phát điện 1	1.745.602.914	-	4.778.389.870	-
- Công ty TNHH Minh Hoàng Logistics	7.263.936.431	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Trường Sơn	1.271.551.525	(1.271.551.525)	1.271.551.525	(1.271.551.525)
- Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất dầu khí - CTCP	2.739.933.560	-	2.061.489.250	-
- Công ty Cổ phần Phân bón dầu khí Cà Mau	1.916.379.696	-	2.555.737.229	-
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	3.453.650.556	-	2.989.568.982	-
- Các khách hàng khác	21.305.416.837	(8.139.325.401)	19.261.495.221	(8.140.435.401)
Cộng	43.371.292.741	(9.410.876.926)	41.791.138.725	(9.411.986.926)

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần giải pháp cảng và hậu cần	410.360.000	-	411.160.000	-
- Công ty TNHH Quân Đô	625.500.000	(625.500.000)	625.500.000	(625.500.000)
- Công Ty Cổ phần Nhật Việt	4.220.300.000	-	26.300.000	-
- Công Ty Cổ phần Samco Vina	3.228.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	2.880.153.729	(471.000.000)	1.878.739.320	(471.000.000)
Cộng	11.364.313.729	(1.096.500.000)	2.941.699.320	(1.096.500.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	9.415.797.507	(2.894.548.191)	6.705.565.028	(2.894.548.191)
- Cổ tức và lợi nhuận được chia	154.250.000	(154.250.000)	154.250.000	(154.250.000)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	334.074.317	-	633.182.152	-
- Tạm ứng	1.432.633.664	(608.207.766)	1.788.584.180	(608.207.766)
- Ký cược, ký quỹ	319.000.000	-	304.000.000	-
- Phải thu đội thi công vét than tại Trà Vinh	1.526.866.957	(546.641.775)	1.526.866.957	(546.641.775)
- Phải thu nhân viên đã nghỉ việc	1.279.187.137	(1.279.187.137)	1.279.187.137	(1.279.187.137)
- Tài sản thiếu đang chờ xử lý	2.386.670.000	-	-	-
- Phải thu khác	1.983.115.432	(306.261.513)	1.019.494.602	(306.261.513)
b) Dài hạn	72.000.000	(57.000.000)	72.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
- Phải thu khác	57.000.000	(57.000.000)	57.000.000	-
Cộng	9.487.797.507	(2.951.548.191)	6.777.565.028	(2.894.548.191)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

10. NỢ XẤU

	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	9.702.476.926	291.600.000	9.411.986.926	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Dầu tư Trường Sơn	1.271.551.525	-	1.271.551.525	-
- Các khoản khác	8.430.925.401	291.600.000	8.140.435.401	-
Trả trước cho người bán	1.110.500.000	14.000.000	1.110.500.000	14.000.000
- Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng Miền Nam	278.000.000	-	278.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Quân Đô	625.500.000	-	625.500.000	-
- Các khoản khác	207.000.000	14.000.000	207.000.000	14.000.000
Phải thu khác	3.601.464.170	133.808.385	2.989.548.191	38.000.000
- Các khoản tạm ứng	1.258.123.745	133.808.385	646.207.766	38.000.000
+ Huyện Minh Đoàn	482.490.201	38.000.000	482.490.201	38.000.000
+ Trần Thị Hồng Thơm	163.717.565	-	163.717.565	-
+ Các khoản khác	611.915.979	95.808.385	-	-
- Các khoản phải thu khác	2.343.340.425	-	2.343.340.425	-
+ Ngó Thị Kim Phi	486.219.212	-	486.219.212	-
+ Công ty TNHH Thanh Phương	300.000.000	-	300.000.000	-
+ Các khoản khác	1.557.121.213	-	1.557.121.213	-
Cộng	14.414.441.096	439.408.385	13.512.035.117	52.000.000
		(13.975.032.711)		(13.460.035.117)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

11. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	321.643.795	-	70.169.408	-
- Công cụ, dụng cụ	284.375.618	-	284.375.618	-
- Hàng hóa	18.391.576	-	207.215.750	-
Cộng	624.410.989	-	561.760.776	-

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Xây dựng cơ bản dở dang	62.001.637.585	62.001.637.585	60.567.592.771	60.567.592.771
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (*)	42.404.035.793	42.404.035.793	42.404.035.793	42.404.035.793
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II (**)	8.647.825.475	8.647.825.475	8.647.825.475	8.647.825.475
- Công trình khác	10.949.776.317	10.949.776.317	9.515.731.503	9.515.731.503
Cộng	62.001.637.585	62.001.637.585	60.567.592.771	60.567.592.771

(*) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ;
- Mục đích xây dựng: San lấp mặt bằng 23,4ha, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Hưng Phú, , Thành phố Cần Thơ, Việt Nam;
- Tổng mức đầu tư: 230.346.967.886 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2002 đến năm 2011;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG (TIẾP)

(*) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (Tiếp)

Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2025: Dự án đã hoàn thành, đưa vào khai thác và tăng tài sản đối với phần diện tích 9,5 ha (Công ty đã tạm ghi tăng các tài sản):

- Kho 1; Nguyên giá Tài sản là 3.711.034.531; Trích khấu hao từ 11/2008
- Kho 2; Nguyên giá Tài sản là 834.727.273; Trích khấu hao từ 1/2011
- Kho 5; Nguyên giá Tài sản là 2.529.163.636; Trích khấu hao từ 6/2013
- Bãi chứa hàng Container, bãi chờ xe; Nguyên giá Tài sản là 34.464.811.016; Trích khấu hao 11/2008.
- Kho 4; Nguyên giá Tài sản là 790.566.666 ; Trích khấu hao từ 07/2022
- Nhà văn phòng; Nguyên giá TS là 4.137.929.619; Trích khấu hao từ 11/2008
- Cầu tàu và kê bảo vệ sau cầu tàu; Nguyên giá TS là 41.804.814.393; Trích khấu hao từ 11/2008

Đối với phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của Cảng.

(**) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ;
 - Mục đích xây dựng: Xây dựng phát triển Cảng Cái Cui với công suất từ 4,0 - 4,5 triệu tấn/ năm, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000 DWT, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
 - Địa điểm xây dựng: Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam;
 - Tổng mức đầu tư: 829.799.174.000 VND;
 - Thời gian bắt đầu triển khai: Từ năm 2009;
 - Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2025: Dự án mới triển khai được việc san lấp mặt bằng và thực hiện được một số hạng mục nhỏ.
- Theo quyết định số 57/QĐ-HHVN ngày 05/02/2013 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc giao tài sản và vốn của Dự án Cảng Cái Cui giai đoạn I và II cho Công ty TNHH MTV Cảng Cái Cui (sau này là Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ). Hiện tại, Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

13. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2025	397.419.938.114	18.228.666.556	59.715.585.561	1.554.886.000	1.481.893.286	478.400.969.517
- Mua trong kỳ	-	-	2.908.888.889	-	-	2.908.888.889
- Thanh lý, nhượng bán	-	(563.767.242)	(5.580.116.609)	-	-	(6.143.883.851)
Tại 30/06/2025	397.419.938.114	17.664.899.314	57.044.357.841	1.554.886.000	1.481.893.286	475.165.974.555
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2025	(221.005.180.862)	(11.228.464.060)	(53.387.030.156)	(1.131.882.597)	(903.473.352)	(287.656.031.027)
- Thanh lý, nhượng bán	-	460.621.274	5.405.012.407	-	-	5.865.633.681
- Khấu hao trong kỳ	(5.405.266.708)	(487.084.547)	(1.003.128.523)	(90.025.326)	(106.357.056)	(7.091.862.160)
Tại 30/06/2025	(226.410.447.570)	(11.254.927.333)	(48.985.146.272)	(1.221.907.923)	(1.009.830.408)	(288.882.259.506)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2025	176.414.757.252	7.000.202.496	6.328.555.405	2.686.768.597	2.385.366.638	190.744.938.490
Tại 30/06/2025	171.009.490.544	6.409.971.981	8.059.211.569	332.978.077	472.062.878	186.283.715.049

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 30/06/2025 là 31.379.638.455 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 3.131.520.237 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 107.531.147.342 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 110.707.508.112 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2025	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
Tại 30/06/2025	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2025	(3.578.244.705)	(252.000.000)	(3.830.244.705)
- Khấu hao trong kỳ	(75.443.904)	-	(75.443.904)
Tại 30/06/2025	(3.653.688.609)	(252.000.000)	(3.905.688.609)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2025	4.225.090.897	-	4.225.090.897
Tại 30/06/2025	4.149.646.993	-	4.149.646.993

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 252.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 252.000.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Tại 30/06/2025		Trong kỳ		Tại 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	10.000.000.000	10.000.000.000	8.354.964.625	5.077.577.105	6.722.612.480	6.722.612.480
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (*)	10.000.000.000	10.000.000.000	8.354.964.625	5.077.577.105	6.722.612.480	6.722.612.480
- Các đối tượng khác	10.000.000.000	10.000.000.000	8.284.000.000	5.000.000.000	6.716.000.000	6.716.000.000
	-	-	70.964.625	77.577.105	6.612.480	6.612.480
b) Vay dài hạn	18.585.321.528	18.585.321.528	-	8.284.000.000	26.869.321.528	26.869.321.528
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (*)	18.585.321.528	18.585.321.528	-	8.284.000.000	26.869.321.528	26.869.321.528
Cộng	28.585.321.528	28.585.321.528	8.354.964.625	13.361.577.105	33.591.934.008	33.591.934.008

(*) Căn cứ Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh ngày 30/09/2019 với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, kèm theo các Văn bản nhận nợ số 01/2019 ngày 30/09/2019 và số 02/2019 ngày 30/12/2019, trong năm 2019, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã thanh toán hộ Công ty toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh Chương Dương, bao gồm nợ gốc là 56.416.677.596 VND và nợ lãi là 18.800.643.932 VND, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Bên cho vay: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, là bên liên quan có mối quan hệ là Công ty mẹ;
- + Tổng số tiền vay: 75.217.321.528 VND.
- + Số dư nợ vay đến ngày 30/06/2025 còn lại là: 28.585.321.528 đồng;
- + Mục đích vay: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam bảo lãnh không hủy ngang cho các nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ Hợp đồng Cấp tín dụng dài hạn số 03/2009/HDDTDDDH/NHTMCPCTCD-VINALINES ngày 27/10/2009. Khoản vay này để thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui - giai đoạn II";
- + Thời hạn của hợp đồng: 10 năm;
- + Lãi suất cho vay: Kỳ tính lãi đầu tiên là 4,5%/năm; các kỳ tiếp theo được xác định định kỳ 01 năm điều chỉnh một lần vào ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi;
- + Các biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản và quyền đòi nợ của Cảng Cần Thơ với các hợp đồng kinh tế liên quan đến việc cho thuê kho, bãi, cầu cảng phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

2, Khu vực Phú Thới, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết lịch trả nợ như sau:

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Trong vòng một năm (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	10.000.000.000	10.006.612.480
Trong năm thứ hai	10.000.000.000	10.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	8.585.321.528	13.585.321.528
Cộng	28.585.321.528	33.591.934.008
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(10.000.000.000)	(6.722.612.480)
Số phải trả sau 12 tháng	18.585.321.528	26.869.321.528

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	17.440.855.653	17.440.855.653	17.043.681.678	17.043.681.678
- Công ty Cổ phần Than khoáng sản Duyên Hải	-	-	3.639.183.493	3.639.183.493
- Công ty TNHH Duyên hải Star	2.274.583.953	2.274.583.953	2.388.965.767	2.388.965.767
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vietgroup Cần Thơ	1.188.416.950	1.188.416.950	841.652.394	841.652.394
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	2.355.060.472	2.355.060.472	1.165.339.708	1.165.339.708
- Công ty TNHH Minh Hoàng Logistics	2.499.376.176	2.499.376.176	-	-
- Công ty TNHH Cơ khí Minh Nam	3.751.299.788	3.751.299.788	741.470.779	741.470.779
- Công ty Cổ phần SME Worldwide Logistics	280.500.000	280.500.000	561.000.000	561.000.000
- Các nhà cung cấp khác	5.091.618.314	5.091.618.314	7.706.069.537	7.706.069.537
Cộng	17.440.855.653	17.440.855.653	17.043.681.678	17.043.681.678
Phải trả người bán là các bên liên quan	2.355.060.472	2.355.060.472	3.155.227.708	3.155.227.708
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	2.355.060.472	2.355.060.472	1.165.339.708	1.165.339.708
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP - Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng	-	-	648.000.000	648.000.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	-	-	1.341.888.000	1.341.888.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ	Tại 01/01/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	556.763.376	1.439.899.691	1.795.647.595	912.511.280
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	919.617.886	821.438.607	538.398.391	636.577.670
- Thuế thu nhập cá nhân	15.741	42.132.699	48.569.805	6.452.847
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.676.361.167	5.991.970.128	2.315.608.961	-
- Các loại thuế khác	-	106.814.163	106.814.163	-
Cộng	5.152.758.170	8.402.255.288	4.805.038.915	1.555.541.797

Số thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ trong kỳ 6 tháng đầu năm 2025 là 5.427.012.577 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí tiền điện	274.956.547	267.374.534
- Chi phí nhân công	614.372.945	-
- Chi phí khác	170.187.507	-
Cộng	1.059.516.999	267.374.534

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	3.239.135.234	5.816.372.010
- Kinh phí công đoàn	31.487.108	114.674.410
- Bảo hiểm xã hội	-	206.520.649
- Bảo hiểm y tế	441.118	37.122.189
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	16.197.698
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.109.956.650	1.520.684.450
- Phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	1.137.359.052	3.678.345.005
+ Phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (**)	-	2.597.985.953
+ Phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam chi hộ (*)	971.359.052	971.359.052
+ Các khoản phải trả khác của Tổng Công ty	166.000.000	109.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	959.891.306	242.827.609
Dài hạn	35.781.753.882	32.333.061.156
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.099.278.200	2.739.278.200
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (**)	12.658.957.580	9.570.264.854
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ - Vốn Ngân sách đầu tư (***)	20.023.518.102	20.023.518.102
Cộng	39.020.889.116	38.149.433.166
Phải trả khác là các bên liên quan	13.796.316.632	13.248.609.859
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	13.796.316.632	13.248.609.859

(*) Khoản phải trả Tổng Công ty chi hộ được ghi nhận theo Công văn số 1385/HHVN-TCKT ngày 02/07/2021, trên cơ sở biên bản kiểm tra thuế tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

(**) Khoản phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam căn cứ Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh. (Xem thông tin chi tiết khoản vay tại thuyết minh số 15).

(***) Khoản phải trả này là khoản nợ còn lại liên quan đến việc nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2024	275.281.179.597	646.231.180	(11.960.927.893)	263.966.482.884
- Lãi trong năm trước	-	-	3.648.786.668	3.648.786.668
Tại 31/12/2024	275.281.179.597	646.231.180	(8.312.141.225)	267.615.269.552
Tại 01/01/2025	275.281.179.597	646.231.180	(8.312.141.225)	267.615.269.552
- Lãi trong kỳ này	-	-	3.678.471.542	3.678.471.542
Tại 30/06/2025	275.281.179.597	646.231.180	(4.633.669.683)	271.293.741.094

20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tại 30/06/2025	Tỷ lệ	Tại 01/01/2025	Tỷ lệ
	VND		VND	
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	272.566.179.597	99,01%	272.566.179.597	99,01%
- Các cổ đông khác	2.715.000.000	0,99%	2.715.000.000	0,99%
Cộng	275.281.179.597	100,00%	275.281.179.597	100,00%

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 9 là 275.281.179.597 đồng. Vốn điều lệ đã được Công ty góp đầy đủ.

20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	275.281.179.597	275.281.179.597
+ Vốn góp cuối kỳ	275.281.179.597	275.281.179.597
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.4 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.528.118	27.528.118
+ Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.528.118	27.528.118
+ Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a. Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Cần Thơ với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 2 Phú Thắng, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ	218.624 m ²	50 năm từ ngày 16/08/2007 đến ngày 18/08/2057
2	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường An Thới Đông, Thành phố Cần Thơ	29.342 m ²	42 năm 4 tháng từ ngày 07/09/2007 đến ngày 13/12/2049
3	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường An Thới Đông, Thành phố Cần Thơ	28.764,1 m ²	30 năm từ ngày 22/7/1997 đến ngày 22/7/2027
4	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường An Thới Đông, Thành phố Cần Thơ	3.729,4 m ²	50 năm từ ngày 22/01/2009 đến ngày 22/01/2059

b. Ngoại tệ các loại

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
Dollar Mỹ (USD)	1.682,72	1.683,82

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Doanh thu bán hàng	89.334.097	4.941.186.349
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	85.499.531.956	70.256.683.243
Cộng	85.588.866.053	75.197.869.592
Doanh thu với các bên liên quan	4.735.075.949	3.570.322.677
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	198.064.800	198.064.800
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	2.642.236.119
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	4.188.398.607	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang	-	360.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hậu Giang	348.612.542	729.661.758

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	79.174.494	4.818.776.542
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	73.255.143.414	56.691.000.567
Cộng	73.334.317.908	61.509.777.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	840.309.537	506.635.099
Cộng	840.309.537	506.635.099

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	490.706.773	666.667.018
Cộng	490.706.773	666.667.018

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng (*)	124.329.229	241.293.949
- Chi phí nhân viên	-	150.203.169
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	2.333.333
- Chi phí khấu hao TSCĐ	49.329.229	66.581.917
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.000.000	11.508.864
- Chi phí bằng tiền khác	-	10.666.666
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	9.671.596.693	10.711.739.339
- Chi phí nhân viên quản lý	3.682.056.208	5.303.853.762
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	188.922.969	227.511.928
- Chi phí đồ dùng văn phòng	81.689.963	-
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	401.340.779	330.364.107
- Thuế, phí và lệ phí	55.929.811	44.588.105
- Chi phí dự phòng	514.997.594	680.242.012
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.116.197.810	1.798.107.234
- Chi phí bằng tiền khác	2.630.461.559	2.327.072.191

(*) Trong năm 2025, Công ty chuyển đổi kinh doanh xăng dầu sang cho thuê dẫn đến chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ, đồ dùng không phát sinh.

27. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.279.376.724	-
- Các khoản khác	319.990.715	53.552.880
Cộng	1.599.367.439	53.552.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

28. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Các khoản bị phạt, bồi thường	288.750.000	292.793.891
- Các khoản chi phí khác	36.860.592	57.510.259
Cộng	325.610.592	350.304.150

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	2.349.060.938	1.711.009.054
- Chi phí nhân công	15.891.951.581	17.489.134.571
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.167.306.064	7.052.637.445
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.714.563.444	37.089.912.128
- Chi phí khác bằng tiền	7.413.189.715	3.621.098.645
Cộng	82.536.071.742	66.963.791.843

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.081.981.834	2.278.276.006
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	516.107.594	292.793.891
Các khoản điều chỉnh tăng	516.107.594	292.793.891
+ Chi phí không hợp lệ	516.107.594	292.793.891
Thu nhập tính thuế TNDN	4.598.089.428	2.571.069.897
Thuế suất thuế TNDN không ưu đãi	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	919.617.886	514.213.979
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	919.617.886	514.213.979

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.162.363.948	1.764.062.027
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	27.528.118	27.528.118
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	115	64

32. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Tờ trình số 12/TTr-DHĐCĐ ngày 25/04/2025 về việc tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2024 của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ. Theo đó, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa 14.200.000 Cổ phiếu, tương ứng vốn điều lệ dự kiến tăng thêm là 142.000.000.000 đồng. Vốn điều lệ sau khi phát hành tối đa là 417.281.179.597 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách bên liên quan:**

Công ty	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	Công ty con cùng TCT
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Công ty con cùng TCT
- Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Công ty con cùng TCT
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con cùng TCT
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang	Công ty con cùng TCT
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hậu Giang	Công ty con cùng TCT
- Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	Công ty liên doanh

Giao dịch với các bên liên quan	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Doanh thu	4.735.075.949	3.570.322.677
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	198.064.800	198.064.800
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	2.642.236.119
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang	-	360.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	4.188.398.607	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hậu Giang	348.612.542	729.661.758
Mua hàng	5.185.967.635	4.596.087.005
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	1.276.027.953	1.240.883.251
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	1.346.703.703
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	398.161.255
- Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	-	534.647.035
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP - Công ty kho bãi VIMC tại Hải Phòng	600.000.000	600.000.000
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	72.000.000	120.000.000
- Ban quản lý dự án Chuyên ngành Hàng hải VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	35.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hậu Giang	374.484.870	320.691.761
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	2.863.454.812	-
Chi phí lãi vay	490.706.773	666.667.018
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	490.706.773	666.667.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của các thành viên chủ chốt

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Ông Lê Quang Trung	60.000.000	42.000.000
Ông Lâm Tiến Dũng	-	90.000.000
Ông Trần Tuấn Hải	45.000.000	30.000.000
Ông Hoàng Việt	30.000.000	30.000.000
Ông Phan Nhân Thảo	15.000.000	-
Ông Nguyễn Hoài An	15.000.000	-
Ông Nguyễn Đăng Song	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hà	285.000.000	195.000.000
Ông Nguyễn Hồng Hải	-	15.000.000
Bà Nguyễn Thị Dung	42.000.000	27.000.000
Bà Phí Huyền Ngân	36.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Trần Phương Huyền	18.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Cảnh Hiệp	15.000.000	-
Ông Tạ Khả Duy	-	75.000.000
Ông Lê Tiến Công	210.000.000	150.000.000
Cộng	801.000.000	708.000.000

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét.

Cần Thơ, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Thái Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng

Lâm Trúc Sơn

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà